

# TÁC ĐỘNG CỦA WTO và những vấn đề đặt ra đối với hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam

NGUYỄN MINH PHƯƠNG

CÙNG VỚI TIẾN TRÌNH ĐỔI MỚI, GIA NHẬP TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO) CỦA ĐẤT NƯỚC, HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI (NHTM) VIỆT NAM CŨNG ĐÃ TRANH THỦ, TẬN DỤNG VÀ KHAI THÁC ĐƯỢC NHIỀU CƠ HỘI ĐỂ ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN. TUY NHIÊN, QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CŨNG MANG LẠI NHIỀU THÁCH THỨC, RỦI RO CHO HỆ THỐNG NHTM VIỆT NAM. VIỆC NHẬN DIỆN ĐÚNG NHỮNG THÁCH THỨC, RỦI RO, QUA ĐÓ CÓ NHỮNG GIẢI PHÁP PHÙ HỢP ĐỂ CẠNH TRANH, PHÁT TRIỂN VÀ HỘI NHẬP MỘT CÁCH BỀN VỮNG LÀ HẾT SỨC CẦN THIẾT ĐỐI VỚI HỆ THỐNG NHTM VIỆT NAM.

Gia nhập WTO là một chủ trương đúng đắn của Đảng, Nhà nước trong bối cảnh toàn cầu hóa. Dĩ nhiên, việc gia nhập tổ chức thương mại lớn nhất toàn cầu này không hề đơn giản bởi Việt Nam đã phải trải qua quá trình đàm phán kéo dài tới 12 năm và chỉ kết thúc vào ngày 7/11/2006 và đến ngày 1/1/2007, Việt Nam chính thức được công nhận là thành viên thứ 150 của WTO. Qua 6 năm, Việt Nam đã từng bước thực hiện các cam kết đã ký và ngày càng hội nhập một cách sâu, rộng hơn, trong đó lĩnh vực tài chính-ngân hàng có độ "mở" tương đối rộng. Cho đến nay, chưa có một công trình nghiên cứu khoa học nào đánh giá một cách đầy đủ, chính xác nhất về những "được", "mất" khi gia nhập WTO của kinh tế Việt Nam nói chung và hệ thống NHTM Việt Nam nói riêng. Tuy nhiên, xét ở một số góc độ nhất định, chúng ta cũng có thể thấy được phần nào những tác động tích cực và tiêu cực từ việc gia nhập WTO tới hệ thống NHTM Việt Nam.

**Hệ thống NHTM Việt Nam trước khi gia nhập WTO**

Trước khi gia nhập WTO, hệ thống

NHTM Việt Nam đã có sự phát triển khá mạnh mẽ cả về quy mô, năng lực và chất lượng hoạt động, thực sự là huyết mạch của nền kinh tế, góp phần quan trọng vào những thành tựu chung của đất nước. Tuy nhiên, khách quan nhìn nhận, hệ thống NHTM Việt Nam vẫn còn khá nhiều hạn chế, yếu kém. Hoạt động kinh doanh của các ngân hàng chưa thực sự năng động, chưa đáp ứng với nhu cầu của thị trường, tinh cạnh tranh thấp, chủ yếu tập trung vào các sản phẩm truyền thống như tiền gửi và cho vay, trong đó nhiều khoản cho vay theo chỉ định của Chính phủ, hiệu quả không cao.

Năng lực tài chính của các NHTM còn nhiều hạn chế, mức vốn điều lệ trung bình của cả ngân hàng quốc doanh và NHTMCP vẫn còn khiêm tốn so với quy mô vốn của các ngân hàng nước ngoài. Tỷ lệ an toàn vốn CAR của các ngân hàng trong nước đạt thấp, trung bình ở mức 5% trong khi tỷ lệ này tại các ngân hàng nước ngoài là khoảng 9%. Tỷ lệ an toàn vốn thấp dẫn đến khả năng chống đỡ với các rủi ro hệ thống yếu. Cũng do hạn chế về vốn, các NHTM trong nước cũng gặp khó khăn trong việc

ứng dụng công nghệ vào hoạt động. Hạ tầng công nghệ và hệ thống thanh toán vẫn còn lạc hậu, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển sản phẩm mới nên các sản phẩm rất nghèo nàn, đơn điệu.

Hệ thống quản trị của hệ thống NHTM Việt Nam trên tất cả các mặt như quản trị nguồn nhân lực, quản trị rủi ro đều chưa phù hợp với thông lệ quốc tế. Các ngân hàng trong nước chưa có các công cụ hiện đại để quản trị rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, quản lý thanh khoản, hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ trong ngân hàng lạc hậu, chưa có tính dự báo sớm với các rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động. Công tác quản lý nhân sự còn nhiều hạn chế. Chất lượng nguồn nhân lực tại các ngân hàng trong nước chưa cao...

**Tác động của WTO đối với hệ thống NHTM Việt Nam**

Có thể nói, việc gia nhập WTO đã tạo nên một sự "hung phấn" khá đặc biệt trong xã hội và ngành Ngân hàng cũng không phải là ngoại lệ. Tuy nhiên, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế cũng có hai mặt của nó.

WTO đã tạo cơ hội cho các NHTM

trong nước tiếp cận vốn quốc tế dễ dàng hơn, tiếp thu kiến thức, kinh nghiệm và công nghệ hiện đại về quản lý và hoạt động ngân hàng thông qua việc hợp tác với các ngân hàng danh tiếng trên thế giới. Áp lực của chính sách, áp lực của thị trường cũng đòi hỏi các NHTM phải nâng cao năng lực tài chính bằng nhiều cách. Đến nay, tất cả các ngân hàng đều đạt được mức vốn pháp định là 3.000 tỷ đồng theo quy định của NHNN, trong đó có những ngân hàng có vốn điều lệ khá cao như: VietinBank, Agribank, Vietcombank, BIDV, Techcombank... Giá trị tổng tài sản của các NHTM cũng tăng mạnh. Trong giai đoạn từ 2007-2010, quy mô tài sản của các NHTM đã tăng gấp đôi, từ 1.069 nghìn tỷ đồng lên 2.690 nghìn tỷ đồng và đến cuối năm 2012 đạt khoảng 3.600 nghìn tỷ đồng. Hàng loạt ngân hàng đã chào bán thành công cổ phần cho đối tác nước ngoài là các ngân hàng lớn trên thế giới và trong khu vực. Việc tăng vốn đã giúp các NHTM trong nước củng cố năng lực tài chính, đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh. Bên cạnh đó, các NHTM Việt Nam còn tận dụng được ưu thế của các đối tác chiến lược về công nghệ hiện đại, kinh nghiệm quản lý.

Với những cam kết tự do hóa về mặt tài chính trong WTO cũng tạo động lực cho các NHTM Việt Nam thực hiện cải tổ toàn diện về mặt tổ chức, năng lực tài chính, khả năng quản trị và ứng dụng công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ và cải thiện tính minh bạch trong hoạt động. Không chỉ vậy, WTO cũng đã tạo ra một môi trường kinh doanh thuận lợi hơn cho các nhà cung cấp dịch vụ tài chính, các NHTM nước ngoài đến từ các khu vực tài chính phát triển làm phong phú các sản phẩm tài chính hiện đại, tạo kênh cung ứng vốn, kênh dịch vụ đa dạng cho các doanh nghiệp Việt Nam. Điều này giúp các NHTM trong nước tiếp cận thị trường tài chính quốc tế đã phát triển ở một mức cao, qua đó có thể học hỏi và nâng cao trình độ quản trị và cung cấp dịch vụ, phát triển các loại hình và kỹ năng kinh doanh mới mà các ngân hàng trong

nước chưa có hoặc có ít kinh nghiệm.

Đặc biệt, áp lực từ hội nhập cũng khiến các NHTM không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh để tồn tại và phát triển, không chỉ tìm mọi cách để phát triển thị phần trong nước mà còn từng bước mở rộng hoạt động ra khu vực và thế giới. Nói cách khác, quá trình hội nhập không chỉ khiến Việt Nam phải "đón vào" nhiều ngân hàng nước ngoài mà còn giúp hệ thống NHTM của chúng ta có thể "đi ra", xâm nhập vào những thị trường tiềm năng trong khu vực và trên thế giới. Tiên phong cho việc phát triển ra nước ngoài là Sacombank. Năm 2008, Sacombank đã mở chi nhánh tại Lào, sau đó nâng cấp thành ngân hàng

trong khi các ngân hàng trong nước chưa có cơ chế quản lý rủi ro và thông tin hiện đại, hiệu quả, phù hợp với thông lệ quốc tế. Bên cạnh đó, hệ thống NHTM Việt Nam còn phải đối mặt với nhiều rủi ro thị trường như: rủi ro về giá, tỷ giá và lãi suất cũng như các rủi ro về hệ thống bắt nguồn từ sự lan truyền của các cuộc khủng hoảng, các cú sốc kinh tế tài chính khu vực và trên thế giới. Ngoài ra, rủi ro cũng đến từ chính khách hàng của doanh nghiệp do kinh tế bất ổn, doanh nghiệp làm ăn thua lỗ, phá sản...

Là một quốc gia vừa mở cửa, hệ thống chính sách chưa đồng bộ, song lại có rất nhiều tiềm năng và lợi thế thương mại, Việt Nam được xem là một trong



WTO đã tạo cơ hội cho các NHTM trong nước tiếp cận vốn quốc tế dễ dàng hơn, tiếp thu kiến thức, kinh nghiệm và công nghệ hiện đại

con 100% vốn của mình. Tiếp đó là hàng loạt các ngân hàng khác như: VietinBank, BIDV, MB, SHB... đã mở chi nhánh, thành lập ngân hàng liên doanh, công ty tài chính, bảo hiểm, chứng khoán... tại Lào, Campuchia, Myanmar, Đức, Nga...

Bên cạnh những mặt "được", hệ thống NHTM Việt Nam cũng phải đối mặt với khá nhiều khó khăn, thách thức.

Trước hết, hội nhập kinh tế quốc tế làm gia tăng rủi ro và tính nhạy cảm của thị trường tài chính trong nước với các biến động trên thị trường thế giới. Khi mức liên thông giữa thị trường trong nước và thế giới ngày càng cao thì cũng làm tăng rủi ro của hệ thống ngân hàng

những điểm đến rất hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Quá trình hội nhập đã giúp khá nhiều luồng vốn từ thị trường nước ngoài chảy vào Việt Nam. Chỉ tính riêng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), từ mức gần như con số không vào năm 1986, đến năm 2008, vốn FDI vào Việt Nam đã đạt 11,6 tỷ USD, nâng tổng vốn đăng ký lên 64 tỷ USD. Đến năm 2012, vốn FDI vào Việt Nam đạt 16,3 tỷ USD (tính cả vốn cấp mới và tăng thêm), tăng 4,7% so với năm 2011. Các luồng vốn nước ngoài một mặt góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế của đất nước, mặt khác cũng là một trong những tác nhân kích hoạt bong bóng thị trường bất động sản và thị



Các ngân hàng cần tiếp tục đổi mới hệ thống quản trị ngân hàng phù hợp với thông lệ quốc tế

xấu cao...

Sự hiện diện của các NHTM nước ngoài cũng được xem là tác nhân quan trọng làm tăng tính cạnh tranh trên thị trường. Tuy nhiên, trái với lo ngại của các ngân hàng trong nước, hoạt động của khối các ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh không có nhiều đột biến. Năm 2008, thị phần huy động của khối này là 8% và trong gần 5 năm qua cũng chỉ dao động trong phạm vi 8-9% trong khi thị phần tín dụng lại giảm nhẹ từ 12% năm 2008 xuống còn 9% vào năm 2010 và 8% vào năm 2012. Điều đáng nói là, tỷ lệ nợ xấu của khối này rất thấp, cho thấy năng lực quản trị rủi ro, cũng như khả năng lựa chọn các dự án hiệu quả để tài trợ tín dụng. Nhìn vào hoạt động kinh doanh, có thể thấy, các ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh hầu như chỉ tập trung vào nhóm khách hàng doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp xuất khẩu và máng bán lẻ, cho vay tiêu dùng. Đặc biệt, mảng bán lẻ, cho vay tiêu dùng đã được các ngân hàng nước ngoài tập trung khai thác tối đa với những phương thức, cách làm hoàn toàn mới và khác biệt đã thu hút được một lượng rất lớn khách hàng cá nhân. Nhiều ngân hàng trong nước cũng phải "giật mình", nhưng khách quan nhìn nhận, đó cũng chính là những khoảng trống thị trường mà các NHTM trong nước ít để ý đến hoặc không thật sự chú trọng. Chắc chắn, mức độ cạnh tranh sẽ quyết liệt hơn khi các ngân hàng nước ngoài ngày càng mở rộng quy mô và phạm vi hoạt động trên thị trường Việt Nam...

**Một vài khuyến nghị**

Trước những thách thức đó, để có thể phát triển lành mạnh, an toàn và bền vững trong bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng hơn vào WTO, các NHTM Việt Nam cần phải thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp.

Về phía ngân hàng, các NHTM Việt Nam cần chủ động thực hiện tốt công tác tái cơ cấu hoạt động theo đề án tái cơ cấu hệ thống ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2011-2015 và các văn bản chỉ đạo của NHNN. Tiếp tục nâng cao năng

lương chứng khoán. Với chính sách quản lý rủi ro tín dụng không đi kèm với tăng trưởng tín dụng, các công cụ quản lý rủi ro yếu... đã làm cho tỷ lệ nợ xấu của toàn hệ thống ngân hàng tăng cao. Từ năm 2011, Ngân hàng Nhà nước đã phải tập trung tái cơ cấu hệ thống ngân hàng. Với những nỗ lực, sự quyết liệt và những giải pháp đồng bộ, đến nay, công tác xử lý nợ xấu đã đạt được những kết quả bước đầu đáng ghi nhận. Theo Ngân hàng Nhà nước, nợ xấu trong hệ thống ngân hàng đến cuối năm 2012 là trên 8% và đến cuối tháng 5/2013 đã giảm xuống còn 4,65%.

Một vấn đề cũng rất đáng suy nghĩ, đó là các thương vụ hợp tác với các đối tác là các ngân hàng lớn nước ngoài bao giờ cũng đặt trọng tâm vào mục tiêu khai thác được tiềm năng, thế mạnh của nhau để cùng phát triển, trong đó các NHTM Việt Nam luôn mong muốn học hỏi, tiếp thu những kinh nghiệm, phương thức quản lý, quản trị hiện đại, công nghệ tiên tiến... Cho đến nay, thông qua việc góp vốn, mua cổ phần, các đối tác nước ngoài đã mang đến cho NHTM Việt Nam những gì vẫn đang là những dấu hỏi chưa có lời giải đáp một cách thỏa đáng. Theo đánh giá của nhiều chuyên gia, những tác động của đối tác nước ngoài đối với NHTM trong nước là không lớn, kể cả những ngân hàng đã đưa những nhân sự cấp cao của đối tác

vào HĐQT hoặc ban điều hành. Ngoại trừ một vài ngân hàng lớn có sự cải thiện tương đối rõ nét, hầu hết các NHTMCP vẫn yếu về chiến lược, quản trị, công nghệ và nhân lực, có những ngân hàng quản trị vi mô rất tốt nhưng lại rủi ro về nhân sự cấp cao và ngược lại có những ngân hàng quản trị vĩ mô tốt nhưng vi mô còn rất nhiều vấn đề hiện đang phải gấp rút tái cơ cấu. Hoạt động kinh doanh không có bước đột phá như kỳ vọng, các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại chưa phong phú, đa dạng và vẫn chiếm tỷ trọng thấp trong tổng thu của ngân hàng.

Sức ép cạnh tranh giữa các ngân hàng ngày càng tăng cao thể hiện qua thị phần của khối NHNN giảm dần và khối NHTMCP ngày càng tăng lên. Nếu như năm 2008, thị phần huy động vốn của các NHTMNN là 58% thì đến năm 2012 đã giảm xuống còn 46%, thị phần tín dụng cũng giảm từ 57% xuống còn 51%. Ở chiều ngược lại, thị phần huy động vốn của các NHTMCP đã tăng từ 32% lên 38% và thị phần tín dụng cũng tăng từ 28% lên 38%. Lẽ ra, sự vươn lên của các NHTMCP là một tín hiệu tốt, nhưng chính sự tăng trưởng nhanh này lại ẩn chứa rất nhiều vấn đề đáng lo ngại, chẳng hạn như: chiến lược, định hướng phân khúc khách hàng không rõ ràng, sản phẩm dịch vụ đơn điệu, tình trạng sở hữu chéo nhập nhằng, tỷ lệ nợ

lực tài chính, nâng cao chất lượng tài sản, thực hiện quyết liệt và hiệu quả công tác xử lý nợ xấu và kiểm soát chất lượng tín dụng, kiểm soát mức độ tăng trưởng tín dụng phù hợp với quy mô vốn huy động và cơ cấu kỳ hạn, tiến tới áp dụng các chuẩn mực quốc tế, đặc biệt Basel II và Basel III.

Xây dựng một chiến lược dài hơi và có định hướng thị phần rõ ràng, tránh tình trạng bất chước, hòa lẫn, không tạo được bản sắc riêng như thời gian qua, đó là: các NHTM nhà nước tập trung vào khách hàng là doanh nghiệp nhà nước nhưng cũng “không quên” các doanh nghiệp nhỏ và vừa, khách hàng cá nhân thì các ngân hàng TMCP nhỏ cũng ra sức cạnh tranh và hướng tới tất cả phân khúc khách hàng đó; ngân hàng lớn ra sản phẩm gì, ngân hàng nhỏ cũng có sản phẩm đó; ngân hàng này mở chi nhánh, phòng giao dịch ở địa bàn này thì ngân hàng khác cũng vội chen chân ở đó... Trên cơ sở xác định được chiến lược và thị phần rõ ràng, các NHTM cần có đầu tư mạnh mẽ cho công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu. Trường hợp một số ngân hàng như VPBank, BacABank, Vietcombank, TrustBank... đã thực hiện thay đổi nhận diện thương hiệu và điều chỉnh chiến lược phần nào thể hiện được sự chủ động đó.

Tiếp đó, các ngân hàng cần tiếp tục đổi mới hệ thống quản trị ngân hàng phù hợp với thông lệ quốc tế, hiện đại hóa công cụ quản trị rủi ro, xây dựng hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ mạnh, có khả năng cảnh báo rủi ro sớm và có khả năng kiểm soát hiệu quả rủi ro trong hoạt động tín dụng và quản lý thanh khoản. Tăng cường đầu tư hiện đại hóa công nghệ ngân hàng, đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ, nâng cao tỷ trọng thu dịch vụ trong tổng thu của ngân hàng. Mở rộng mạng lưới chi nhánh cả trong nước và quốc tế, tăng cường các kênh phân phối điện tử để gia tăng khả năng tiếp cận dịch vụ của khách hàng, giữ vững thế mạnh trong phân phối nội địa, đồng thời mở rộng địa bàn hoạt động để thu hút các khách hàng mới. Tiếp tục mở rộng, phát triển mạng lưới ra các thị

trường giàu tiềm năng trong khu vực và trên thế giới. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, có chính sách thu hút, sử dụng nhân tài, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ và nâng cao ý thức, đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ CBNV; xây dựng chính sách lương, thưởng minh bạch, hấp dẫn, tạo động lực cho CBNV hoàn thành nhiệm vụ và gắn bó với ngân hàng, đi kèm đó là chế tài xử phạt nghiêm khắc đối với những sai phạm. Ngoài ra, có nhiều ý kiến cho rằng, ngành Ngân hàng cần có một bộ tiêu chuẩn nghề nghiệp áp dụng chung cho toàn ngành. Trong khi chưa có bộ tiêu chuẩn chung này, các NHTM cần xây dựng cho riêng mình một bộ chuẩn nghề nghiệp phù hợp với điều kiện, đặc thù hoạt động.

Về phía Chính phủ và các ngành chức năng, do hoạt động ngân hàng luôn có một sự gắn kết chặt chẽ với nền kinh tế nên trong thời gian tới, cùng với sự nỗ lực của hệ thống NHTM, Chính phủ cần tiếp tục cải cách thể chế, đẩy mạnh và thực hiện quyết liệt hơn nữa công tác tái cấu trúc nền kinh tế với 3 trụ cột là đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và hệ thống ngân hàng; nhanh chóng hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, hoạch định các chính sách phát triển kinh tế mang tính dài hơi chứ không bị cuốn vào những giải pháp ngắn hạn. Các chính sách vĩ mô ngoài các mục tiêu quan trọng như tăng trưởng, lạm phát, cân đối ngân sách... cần hướng tới mục tiêu ổn định tài chính; đồng thời cần có sự phân tích tác động ảnh hưởng của chính sách vĩ mô đến sự ổn định tài chính và sự ổn định tài chính tác động đến nền kinh tế thực. Điều này đòi hỏi phải tăng cường giám sát vĩ mô và phối hợp chính sách giữa các cơ quan hoạch định chính sách và các cơ quan giám sát tài chính. Đây được xem là một yếu tố tiên quyết, có tác động mạnh mẽ tới hoạt động và sự phát triển của hệ thống ngân hàng trong giai đoạn trước mắt cũng như lâu dài.

Ngoài ra, Chính phủ và các ngành chức năng cũng cần thực hiện một số giải pháp mang tính kỹ thuật trong nhiều

vấn đề liên quan như: rà soát lại các cơ chế, chính sách tác động đến nền kinh tế và hoạt động ngân hàng, qua đó có sự điều chỉnh theo hướng hội nhập, phù hợp với thông lệ quốc tế; tăng cường sự hợp tác quốc tế trong việc trao đổi thông tin, phòng chống rửa tiền, phòng chống tội phạm công nghệ cao... Đặc biệt, Chính phủ cần xem xét, tiến hành đàm phán với Mỹ về việc thực thi đạo luật FATCA (đạo luật về việc tuân thủ thuế đối với các chủ tài khoản nước ngoài) và những xung đột tiềm tàng giữa FATCA và luật Việt Nam. Theo nhận định của nhiều chuyên gia, các tổ chức tín dụng Việt Nam sẽ chịu không ít tác động từ đạo luật này kể từ ngày 1/1/2014 (nếu thực thi FATCA, các tổ chức tài chính nước ngoài (FFI) đều phải soát xét các chủ tài khoản và các nhà đầu tư của mình để xác định xem tài khoản của họ có phải là “tài khoản Mỹ” không. Ngoài ra, các FFI sẽ phải lựa chọn giữa việc sẽ ký một thỏa thuận với Sở Thuế vụ Mỹ (IRS), xác định và báo cáo với IRS các thông tin trực tiếp và gián tiếp về các chủ tài khoản Mỹ, hay chịu áp mức thuế khấu trừ 30% đối với tất cả các khoản thu nhập trực tiếp hay gián tiếp từ Mỹ. Nếu thực hiện, các FFI sẽ phải làm rất nhiều việc trong quy trình nghiệp vụ ngân hàng về việc trích xuất các thông tin cần thiết để báo cáo với IRS). Hiện, Bộ Tài chính Mỹ đã tiến hành đàm phán với hơn 40 quốc gia trên thế giới về thỏa thuận chia sẻ thông tin thuế theo FATCA)...

Đối với hệ thống NHTM Việt Nam, việc gia nhập WTO mang lại nhiều cơ hội và thách thức, rủi ro cũng không ít. Do đó, các ngân hàng cần nhận diện đúng và có những giải pháp khắc phục kịp thời để nâng cao năng lực cạnh tranh, chiếm lĩnh thị phần, khẳng định uy tín thương hiệu trên thị trường, hội nhập và phát triển bền vững ■

**Tài liệu tham khảo:**

- Tài liệu hội thảo khoa học “Gia nhập WTO và sự phát triển bền vững hệ thống ngân hàng Việt Nam” (Trường Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực VietinBank, 2013).
- các website: [www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn); [www.sbv.gov.vn](http://www.sbv.gov.vn); [www.mpi.gov.vn](http://www.mpi.gov.vn); [www.gso.gov.vn](http://www.gso.gov.vn)...